

Phụ lục 07

BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIỐNG, VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2026-2030

I. Đánh giá thực trạng công tác quản lý chất lượng giống, vật tư nông nghiệp (2021-2025)

Giai đoạn 2021–2025, công tác quản lý chất lượng giống và vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đã có nhiều chuyển biến tích cực, từng bước đi vào nền nếp và ngày càng được tăng cường theo hướng chủ động. Hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành được triển khai tương đối đồng bộ; công tác thanh tra, kiểm tra được chú trọng, nhất là vào các thời điểm cao vụ, góp phần kiểm soát nguồn cung giống, vật tư cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất. Nhận thức của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và người dân về sử dụng giống, vật tư nông nghiệp có nguồn gốc, đảm bảo chất lượng từng bước được nâng lên, qua đó góp phần ổn định năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn. Tuy nhiên, hiệu quả quản lý chưa thật sự đồng đều và bền vững; thị trường vật tư nông nghiệp vẫn tiềm ẩn yếu tố phức tạp, nhất là ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Tình trạng kinh doanh nhỏ lẻ, phân tán gây khó khăn cho công tác kiểm soát; việc phát hiện và xử lý vi phạm có lúc, có nơi chưa kịp thời. Năng lực quản lý ở cơ sở, đặc biệt trong kiểm soát theo chuỗi cung ứng và truy xuất nguồn gốc còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững.

Nhìn chung, công tác quản lý chất lượng giống và vật tư nông nghiệp trong giai đoạn đã đạt được những kết quả tích cực, song vẫn cần tiếp tục được củng cố, hoàn thiện theo hướng đồng bộ, hiệu quả và bền vững hơn trong thời gian tới.

1. Đánh giá quy mô và năng lực hệ thống cung ứng VTNN.

1.1. Lĩnh vực trồng trọt: Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và giống cây trồng

Năng lực sản xuất nội tỉnh trong lĩnh vực trồng trọt đang ở mức báo động khi đối chiếu với quy mô sản xuất thực tế. Toàn tỉnh Hà Tĩnh hiện nay chỉ có 02 cơ sở sản xuất hạt giống với công suất khiêm tốn khoảng 200 tấn/năm và 02 doanh nghiệp sản xuất phân bón với tổng sản lượng đạt 1.300 tấn/năm. Trong khi đó nhu cầu tiêu thụ thực tế của nông dân toàn tỉnh ước tính khoảng 6.500 tấn giống lúa và 80.000 tấn phân bón mỗi năm phục vụ cho hơn 105.000 ha lúa và hàng chục nghìn ha cây ăn quả, sản lượng sản xuất chiếm tỷ lệ thấp (ước tính chỉ đạt mức xấp xỉ 1,73%). Đứng trước thực tế này buộc thị trường Hà Tĩnh phải nhập phần lớn giống, VTNN từ các tỉnh lân cận hoặc các tập đoàn lớn có trụ sở ngoài tỉnh¹. Điều này khiến giá VTNN tại địa phương luôn ở trạng thái "nhảy

¹ Toàn tỉnh có 35 cơ sở kinh doanh, đại lý giống cây trồng; các cơ sở buôn bán giống trên địa bàn tỉnh chủ yếu được cung ứng từ các công ty: Công ty CP Tập đoàn giống cây trồng Việt Nam, Công ty cổ phần giống cây trồng Hà Tĩnh, Công ty TNHH Nông Lâm Nghiệp Phương Đông, Tập đoàn Thai Binh Seed, Công ty TNHH Đại Ngân Chemical, Công ty Giống cây trồng Bắc Hà, Công ty TNHH Mahyco Việt Nam, Công ty Mitraco,

cảm" trước các biến động về giá xăng dầu và chi phí vận tải liên tỉnh. Về mặt thương mại, mạng lưới kinh doanh đã phát triển rất mạnh mẽ với 1.039 cơ sở², trong đó có sự dịch chuyển rõ nét sang mô hình kinh doanh hỗn hợp với 220 cơ sở thực hiện đồng thời việc bán thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) và phân bón. Sự có mặt của các thương hiệu lớn như Vinaseed, Lâm Thao, Bình Điền, Lộc Trời, Syngenta ... đã giúp ổn định phần nào nguồn cung chính ngạch, nhưng sự đa dạng quá mức của danh mục hàng hóa lưu thông (hàng nghìn tên thương mại khác nhau) lại trở thành áp lực khổng lồ cho công tác hậu kiểm và đối chiếu danh mục cho phép.

Chỉ số cung ứng lĩnh vực trồng trọt	Số lượng/Giá trị	Tỷ lệ đáp ứng tại chỗ
Sản lượng sản xuất phân bón nội tỉnh/ Nhu cầu hàng năm	1.300/ 80.000 tấn	1,625 %
Sản lượng sản xuất giống nội tỉnh/ Nhu cầu hàng năm	200/6.500 tấn	3,08 %
Tổng số cơ sở kinh doanh VTNN	1.039 cơ sở	-
Cơ sở kinh doanh hỗn hợp	220 cơ sở	21,1%

1.2. Lĩnh vực chăn nuôi, thú y

Khác với lĩnh vực trồng trọt, lĩnh vực giống trong chăn nuôi của Hà Tĩnh đã có những bước tiến vượt bậc trong việc tự chủ nguồn gen. Tỉnh đã xây dựng và duy trì được "nguồn cung giống lợn" với 38 cơ sở sản xuất giống nái ngoại, quy mô đàn nái đạt xấp xỉ 22.000 con. Điều này giúp Hà Tĩnh chủ động được nguồn lợn giống chất lượng cao, phục vụ mục tiêu đạt sản lượng thịt xuất chuồng hơn 116.603 tấn vào năm 2025.

Nhu cầu về thức ăn chăn nuôi của toàn tỉnh đạt gần 20.000 tấn/tháng. Tuy nhiên, trên địa bàn toàn tỉnh chỉ có 01 cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi (Nhà máy sản xuất thức ăn Thiên Lộc) với công suất 18.000 tấn/năm chỉ đáp ứng được khoảng 7,5% nhu cầu hàng tháng³.

Về kinh doanh thuốc thú y và thủy sản, công tác quản lý đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, toàn tỉnh hiện có 270 cơ sở thuốc thú y (trong đó có

Công ty TNHH Cường Tân, Công ty VTNN Hồng Quang, Công ty giống cây trồng Quảng Bình, Công ty giống cây trồng Việt Thành,...

² Đến thời điểm tháng 12/2025, trên địa bàn tỉnh có 1.039 cơ sở buôn bán phân bón, thuốc BVTV, trong đó: 224 cơ sở buôn bán thuốc BVTV, 595 cơ sở buôn bán phân bón và 220 cơ sở vừa buôn bán thuốc BVTV vừa buôn bán phân bón, các cơ sở được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, đạt tỷ lệ 100%; Các công ty cung ứng phân bón chủ yếu vào thị trường Hà Tĩnh: Công ty phân bón Lâm Thao, Công ty phân bón và hóa chất Dầu khí, công ty CP phân bón Tiên Nông, công ty CP phân lân Ninh Bình, công ty CP hóa chất phân bón Lào Cai, công ty CP hóa chất phân bón Bình Điền,...., sản lượng phân bón cung ứng hàng năm khoảng 80 ngàn tấn/năm, thuốc Bảo vệ thực vật khoảng 190-200 tấn/năm.

³ Các sản phẩm thức ăn phân phối trên địa bàn tỉnh chủ yếu gồm thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi của các công ty như CP Việt Nam, GreenFeed, De Heus, Proconco (Cám Con Cò), Japfa, Dabaco, Cargill, NewHope, Anco, Hồng Hà...Hệ thống phân phối các sản phẩm này được triển khai rộng khắp thông qua mạng lưới hơn 400 cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh

04 doanh nghiệp) đang hoạt động⁴. Nhìn chung, các cơ sở buôn bán thuốc thú y trên địa bàn tỉnh chủ yếu nhỏ lẻ.

1.3. Lĩnh vực thủy sản

Con giống được coi là "hạt nhân" của toàn bộ quá trình sản xuất thủy sản. Chất lượng con giống không chỉ quyết định năng suất, sản lượng mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng kháng bệnh và giá trị thương phẩm của sản phẩm cuối cùng. Tại Hà Tĩnh, hệ thống sản xuất giống đang có sự phân hóa rõ rệt giữa hai phân khúc, giống mặn lợ và giống nước ngọt.

1.3.1. Sản xuất giống thủy sản mặn lợ:

Lĩnh vực giống mặn lợ của Hà Tĩnh hiện đang phụ thuộc lớn vào một số ít cơ sở có quy mô công nghiệp. Điểm nhấn lớn nhất là cơ sở sản xuất và ương dưỡng giống tôm đặt tại xã Cổ Đạm. Đây là đơn vị chủ lực, đóng vai trò điều tiết nguồn cung giống tôm cho toàn tỉnh. Với sản lượng trung bình hàng năm đạt khoảng 550 triệu con tôm giống, cơ sở này đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất theo quy định hiện hành, đảm bảo các tiêu chuẩn về an toàn sinh học và quy trình kỹ thuật.

Tuy nhiên, trong tổng số 550 triệu con giống sản xuất ra, chỉ có khoảng 150 triệu con (chiếm khoảng 27%) được cung cấp cho các cơ sở trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Phần sản lượng còn lại, lên tới 400 triệu con, chủ yếu được xuất bán ra các tỉnh khác. Điều này có thể khẳng định năng lực sản xuất của cơ sở là rất tốt, đủ sức cạnh tranh trên thị trường ngoài tỉnh; mặt khác lại bộc lộ sự thiếu hụt trong mối liên kết giữa cơ sở sản xuất giống và các vùng nuôi thương phẩm nội tỉnh. Nhiều hộ nuôi tôm tại Hà Tĩnh vẫn có xu hướng tìm kiếm nguồn giống từ các tỉnh phía Nam hoặc các đơn vị khác, dẫn đến tình trạng "vừa thừa vừa thiếu" cục bộ.

Bên cạnh cơ sở chủ lực tại Cổ Đạm, hệ thống giống mặn lợ còn được bổ sung bởi mạng lưới các cơ sở hộ gia đình tham gia ương dưỡng các loài cá biển có giá trị kinh tế cao. Cụ thể, hiện có 01 cơ sở chuyên doanh ương dưỡng cá đối và cá mú với sản lượng ổn định khoảng 20 vạn con mỗi năm. Cơ sở này, mặc dù quy mô chưa lớn, nhưng có ý nghĩa quan trọng trong việc đa dạng hóa đối tượng nuôi lồng bè ven biển, giúp ngư dân thoát khỏi sự phụ thuộc độc canh vào con tôm và giảm thiểu rủi ro khi thị trường biến động.

1.3.2. Sản xuất giống thủy sản nước ngọt

Khác với giống mặn lợ, lĩnh vực giống nước ngọt tại Hà Tĩnh có sự tham gia của nhiều đơn vị hơn và hình thành được mạng lưới vệ tinh khá hiệu quả. Toàn tỉnh hiện có 03 cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống cá nước ngọt quy mô lớn là Trại cá Đức Long (huyện Đức Thọ), Trại cá Tiến Lộc (huyện Can Lộc) và Công ty TNHH Thái Định. Đây là những "đầu tàu" trong việc nghiên cứu và thuần dưỡng các loại cá truyền thống cũng như các đối tượng mới.

⁴ Trên cả nước với hơn 16.322 sản phẩm thuốc thú y (sản xuất trong nước, nhập khẩu) với 104 công ty sản xuất, sản xuất gia công và hơn 700 công ty nhập khẩu thuốc thú y. Trên địa bàn tỉnh không có cơ sở sản xuất thuốc thú y; có 270 cơ sở buôn bán thuốc thú y được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y còn hạn (trong đó, có 78 buôn bán thuốc thú y và vắt xin dùng trong thú y).

Cơ sở sản xuất giống	Địa điểm	Đối tượng sản xuất chính	Tình trạng pháp lý/Quy mô
Trại cá Đúc Long	Đúc Thọ	Mè, trôi, trắm, chép, cá lăng, cá leo	Đã cấp GCN đủ điều kiện; 20 triệu cá bột/năm
Trại cá Tiên Lộc	Can Lộc	Cá rô phi, điêu hồng, lóc, cá truyền thống	Đang hoạt động cung ứng nội tỉnh
Công ty TNHH Thái Định	Can Lộc	Các loại cá nước ngọt đa dạng	Đã cấp GCN đủ điều kiện
Hệ thống hộ gia đình	Toàn tỉnh	Cá mè, trôi, trắm, chép truyền thống	14 cơ sở; 60 vạn con/năm

Các cơ sở này tập trung vào các đối tượng nuôi phổ biến như cá mè, trôi, trắm, chép, rô phi, điêu hồng và cá lóc, với tổng sản lượng trung bình hàng năm đạt 40 triệu con giống. Hai trong số ba đơn vị này (Trại cá Đúc Long và Công ty TNHH Thái Định) đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống theo tiêu chuẩn mới⁵. Điều này khẳng định sự chuyên nghiệp hóa trong công tác quản lý giống tại địa phương.

Mạng lưới hộ gia đình sản xuất giống nước ngọt cũng đóng góp một phần không nhỏ với 14 cơ sở tham gia ương dưỡng các loại cá truyền thống, cung ứng khoảng 60 vạn con mỗi năm. Dù quy mô từng hộ nhỏ, nhưng đây lại là nguồn cung tại chỗ linh hoạt, đáp ứng nhu cầu nuôi thả quy mô gia đình tại các vùng nông thôn xa trung tâm.

1.3.3. Thực trạng cung ứng thức ăn và thuốc thú y thủy sản

a) Cung ứng thức ăn thủy sản

Một trong những hạn chế lớn nhất đối với ngành nuôi trồng thủy sản Hà Tĩnh là trên địa bàn toàn tỉnh hiện chưa có nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản với quy mô công nghiệp. Điều này đồng nghĩa với việc toàn bộ lượng thức ăn cần thiết cho hàng nghìn ha diện tích mặt nước đều phải nhập từ các tỉnh khác về⁶.

Việc phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn thức ăn từ ngoại tỉnh khiến chi phí đầu vào của người nuôi luôn ở mức cao do phải gánh thêm chi phí logistic. Điều

⁵ Trại cá Đúc Long là một điển hình trong việc ứng dụng công nghệ hiện đại. Đơn vị này đã xây dựng hệ thống sinh sản cá bột theo công nghệ Thái Lan với công suất thiết kế lên tới 60 triệu cá bột mỗi năm. Không dừng lại ở việc sản xuất tại chỗ, trại còn phát triển mạng lưới 50 cơ sở "vệ tinh" ương cá giống tại các hộ dân, với lợi nhuận trung bình cho mỗi hộ vệ tinh đạt hơn 150 triệu đồng mỗi năm. Ngoài các giống cá truyền thống, Trại cá Đúc Long còn tiên phong du nhập các giống mới như cá trắm đen, cá lăng, cá leo từ các tỉnh Móng Cái, Quảng Ninh, Thanh Hóa để làm phong phú thêm thị trường giống địa phương, giúp người dân tránh mua phải hàng trôi nổi, kém chất lượng.

⁶ Hàng năm chỉ có khoảng 9 - 10 cơ sở kinh doanh mua bán thức ăn phục vụ sản xuất. Đa phần các cơ sở này hoạt động theo hình thức "tự sản tự tiêu" kết hợp bán lẻ, tức là họ nhập thức ăn về để phục vụ chính các ao nuôi của gia đình hoặc hợp tác xã mình, sau đó bán lại cho các hộ nuôi lân cận để tối ưu hóa chi phí vận chuyển. Tổng sản lượng cung ứng phục vụ mỗi năm trên địa bàn đạt từ 5.000 đến 7.000 tấn thức ăn công nghiệp. Đây là con số khá khiêm tốn so với nhu cầu thực tế của các vùng nuôi thâm canh và bán thâm canh đang ngày càng mở rộng. Đối với các sản phẩm xử lý môi trường và bổ trợ, thị trường cung cấp trên 20.000 lít chế phẩm sinh học các loại đóng chai và hơn 2.000 kg các loại vitamin đóng gói.

này trực tiếp làm giảm năng lực cạnh tranh của sản phẩm thủy sản Hà Tĩnh so với các vùng nuôi tập trung ở Đồng bằng sông Cửu Long hoặc các địa phương lân cận có sẵn nhà máy sản xuất.

b) Công tác cung ứng thuốc thú y thủy sản

Lĩnh vực thuốc thú y thủy sản tại Hà Tĩnh hiện đang ở trong giai đoạn chuyển đổi với nhiều khó khăn, hiện tại, trên địa bàn tỉnh có 07 cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y thủy sản đang có hiệu lực. Tuy nhiên, có 3/7 cơ sở đang dừng hoạt động, 04 cơ sở còn lại chủ yếu hoạt động theo hình thức nhỏ lẻ, kinh doanh mang tính thời vụ gắn liền với lịch thả giống của người dân nên sản lượng buôn bán không đáng kể và không ổn định. Nguyên nhân chủ yếu bắt nguồn từ nhiều yếu tố: áp lực cạnh tranh từ các kênh phân phối không chính thống (tiếp thị trực tiếp tại ao nuôi), sự sụt giảm diện tích nuôi trồng tại một số vùng do dịch bệnh, hoặc do sự thắt chặt các quy định về chứng chỉ hành nghề và điều kiện kho bãi theo quy định của pháp luật.

Sự thiếu hụt các cơ sở buôn bán thuốc thú y chuyên nghiệp, có đội ngũ kỹ thuật tư vấn sâu đã dẫn đến một hệ lụy là người dân thường tự ý mua thuốc theo kinh nghiệm hoặc thông qua các kênh tiếp thị lưu động. Tình trạng lạm dụng kháng sinh hoặc sử dụng các loại thuốc giả, thuốc kém chất lượng, thậm chí là các loại thuốc dùng trong y tế để điều trị bệnh cho tôm cá vẫn còn diễn ra. Điều này không chỉ gây thiệt hại về kinh tế cho hộ nuôi mà còn tiềm ẩn nguy cơ tồn dư hóa chất trong sản phẩm xuất khẩu, ảnh hưởng đến thương hiệu thủy sản của tỉnh.

1.4. Giống cây trồng lâm nghiệp

Hiện nay, toàn tỉnh Hà Tĩnh có 09 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp hoạt động chính quy, được cấp phép, các cơ sở này đóng vai trò là hạt nhân cung ứng cây giống cho toàn bộ các chương trình trồng rừng tập trung, trồng rừng gỗ lớn và trồng cây phân tán trên địa bàn. Bình quân mỗi năm, các cơ sở này sản xuất từ 9 đến 12 triệu cây giống, cơ bản đáp ứng đủ số lượng cho nhu cầu trồng rừng của tỉnh, tiêu biểu là doanh nghiệp Tân Thanh Phong với sản lượng cung ứng trên 10 triệu cây mỗi năm, không chỉ phục vụ trong tỉnh mà còn cung cấp cho các tỉnh lân cận như Quảng Bình, Quảng Trị.

Trong tổng sản lượng cây giống, các dòng cây Keo (Keo lai, Keo lá tràm, Keo tai tượng) chiếm tỷ trọng lớn nhất, trên 80%. Nguyên nhân do cây Keo xuất phát từ đặc tính sinh học dễ trồng, khả năng thích nghi tốt với đất đồi núi nghèo kiệt và chu kỳ thu hoạch ngắn (5-7 năm đối với gỗ dăm), phù hợp với điều kiện kinh tế của hộ gia đình. Phương pháp sản xuất chính hiện nay vẫn là giâm hom (stem cutting). Kỹ thuật này được ưa chuộng do quy trình không quá phức tạp, vốn đầu tư vườn ươm thấp hơn so với nuôi cấy mô và cây con giữ được các đặc tính ưu việt của cây mẹ. Một vườn giống lấy hom tiêu chuẩn thường được trồng với mật độ 33.000 - 40.000 cây/ha để khai thác nguyên liệu. Tuy nhiên, cây giâm hom bộc lộ nhược điểm về hệ rễ (chủ yếu là rễ ngang), khiến rừng trồng dễ bị đổ ngã khi gặp gió bão lớn - một yếu tố rủi ro thường trực tại Hà Tĩnh.

Sự ra đời của Trung tâm nuôi cấy mô thuộc HTX Xuyên Sơn tại xã Cẩm Hưng với tổng vốn đầu tư 2 tỷ đồng là một dấu mốc quan trọng. Đây là đơn vị đầu tiên tại tỉnh làm chủ quy trình nhân giống trong ống nghiệm (in vitro), tạo ra

những lứa cây keo lai có chất lượng vượt trội. Cây mô có bộ rễ cọc phát triển mạnh, giúp cây bám sâu vào lòng đất, tăng khả năng chống chịu bão và tốc độ sinh trưởng nhanh hơn cây giâm hom khoảng 20%. Hiện tại, năng suất của trung tâm đạt hơn 1 triệu cây/năm, bước đầu đã cung ứng hơn 300.000 cây keo lai mô ra thị trường.

2. Đánh giá công tác chỉ đạo, phối hợp giữa các cơ quan, lực lượng chức năng trong quản lý về chất lượng giống, VTNN

Hà Tĩnh luôn xác định việc kiểm soát chất lượng giống và VTNN là khâu then chốt, quyết định đến năng suất, chất lượng nông sản và tính bền vững của hệ sinh thái nông nghiệp địa phương. Công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực này tại Hà Tĩnh không chỉ là việc thực thi các quy định pháp luật hiện hành mà còn là một quá trình điều phối, phối hợp giữa nhiều cơ quan, lực lượng chức năng nhằm bảo vệ quyền lợi của người nông dân và thúc đẩy sự phát triển minh bạch của thị trường. Trên cơ sở Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh, qua hơn mười năm thực hiện, đặc biệt là giai đoạn 2021-2025, công tác này đã đạt được những bước tiến đáng kể, cụ thể:

- Thứ nhất, nhận thức của các chủ cơ sở kinh doanh đã được nâng lên rõ rệt thông qua công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật thường xuyên, sâu rộng, qua nhiều hình thức. Các đợt tập huấn về quy định kinh doanh, cách nhận biết hàng giả, hàng nhái đã giúp các hộ kinh doanh tự giác chấp hành các quy định về kho bãi, nhãn mác và chứng từ nguồn gốc xuất xứ.

- Thứ hai, công tác thanh tra, kiểm tra được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm. Thay vì kiểm tra dàn trải, các đoàn liên ngành tập trung vào các thời điểm nhạy cảm, như trước mỗi vụ gieo trồng (vụ Xuân, vụ Hè Thu) hoặc khi thị trường có biến động mạnh về giá cả, kiểm soát có trọng tâm, trọng điểm, tại các đầu mối trước khi hàng hoá phân tán nhỏ lẻ ra thị trường. Việc lấy mẫu hậu kiểm đã trở thành một hoạt động thường quy, tạo áp lực buộc các nhà sản xuất và phân phối phải duy trì chất lượng hàng hóa ổn định.

- Thứ ba, việc cập nhật công bố danh sách các cơ sở đủ điều kiện sản xuất kinh doanh hàng hoá vật tư nông nghiệp định kỳ giúp người tiêu dùng dễ dàng nhận biết, lựa chọn; công khai các cơ sở vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng đã tạo ra sức răn đe mạnh mẽ. Người tiêu dùng hiện nay đã có thói quen tìm hiểu thông tin về các đơn vị uy tín thông qua các thông báo của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Điều này tạo ra cơ chế tự đào thải của thị trường đối với những cơ sở kinh doanh gian lận.

1.3. Kết quả thanh tra và kiểm soát chất lượng

Trong giai đoạn từ 2021 đến 2025, công tác kiểm tra, giám sát chất lượng đã được các cơ quan chức năng của tỉnh triển khai một cách quyết liệt, các vụ việc vi phạm được xử lý kịp thời, đúng pháp luật. Vì vậy đã có nhiều chuyển biến tích cực, nhận thức của người dân đã được nâng lên rõ rệt, nắm vững và cơ bản chấp hành các quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh ít có các lỗi vi phạm nghiêm trọng; các hành vi vi phạm được phát hiện và xử lý nghiêm, công khai trên phương tiện thông tin đại chúng. Tổng cộng đã thanh tra, kiểm tra 3.606 lượt cơ sở, lấy 534 mẫu vật tư các loại để hậu kiểm chất

lượng. Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện và xử lý 117 lượt cơ sở vi phạm với tổng số tiền phạt hơn 490 triệu đồng, buộc tiêu hủy nhiều lô hàng kém chất lượng theo quy định.

Các hành vi vi phạm như: Kinh doanh hàng hóa vi phạm quy định về nhãn mác, hàng giả mạo nhãn hiệu, hàng hết hạn sử dụng; kinh doanh thuốc BVTV và giống cây trồng không có tên trong danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc kinh doanh ngoài phạm vi giấy phép được cấp; kinh doanh giống lúa chưa được cấp phép lưu hành hoặc giống lúa ngoài cơ cấu sản xuất của tỉnh; buôn bán lẫn lộn hàng hóa (nơi bày bán, kho chứa thức ăn chăn nuôi không tách biệt với thuốc bảo vệ thực vật, phân bón), hàng kém chất lượng...

Kết quả công tác kiểm tra (2021-2025)	Số lượng	Ghi chú
Tổng số lượt kiểm tra cơ sở	3.606	Bao gồm định kỳ và đột xuất
Số mẫu giám định chất lượng	534	Hàng hóa lưu thông
Số cơ sở bị xử phạt	117	Chiếm 3,24% tổng lượt kiểm tra
Tổng số tiền xử phạt	> 490 triệu đồng	-

Đặc biệt, để chấn chỉnh tình trạng chênh lệch bất hợp lý giá một số loại giống lúa có cùng cấp chất lượng nhưng quy cách bao gói khác nhau giữa thị trường Hà Tĩnh và các tỉnh lân cận, vụ Xuân 2026 Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức làm việc trực tiếp với một số doanh nghiệp cung ứng giống lúa trên địa bàn để thống nhất đảm bảo nguồn cung, chất lượng, điều chỉnh giảm giá bán trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, bảo vệ quyền lợi cho bà con nông dân, giảm chi phí sản xuất. Kết quả: thay đổi quy cách sang bao gói 5kg/bao, 10kg/bao cấp giống xác nhận 1 với giá bán của VNR20 36.000 đồng/kg, RVT 34.000 đồng/kg, ĐB6 30.000 đồng/kg, Bắc Thịnh 35.000 đồng/kg, HG12 và HN6 là 35.000 đồng/kg, ADI28, ADI168, Hana số 7, Hana số 318 là 32.000 đồng/kg, Hà Phát 3 là 34.000 đồng/kg, TBR87 là 34.000 đồng/kg, TBR225 là 36.000 đồng/kg, TBR97 là 35.000 đồng/kg, giảm từ 7.000 – 10.000 đồng/kg so với quy cách đóng gói 01kg/bao. Tổng kinh phí người dân và ngân sách mua chi mua giống lúa vụ Xuân 2026 giảm được gần 7,1 tỷ đồng.

II. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

Mặc dù sự phát triển của hệ thống thương mại cho thấy một bức tranh sôi động, nhưng những tồn tại mang tính hệ thống đang trở thành trở ngại ngăn chặn sự phát triển bền vững của nông nghiệp Hà Tĩnh. Những tồn tại này không chỉ nằm ở khâu quản lý mà còn nằm sâu trong tư duy sản xuất và kinh doanh của các chủ thể tham gia thị trường.

1. Những tồn tại, hạn chế

Một trong những rào cản lớn nhất là lực lượng kiểm tra còn mỏng so với số lượng hàng ngàn cơ sở kinh doanh trải dài trên địa bàn tỉnh. Đội ngũ cán bộ quản lý cấp cơ sở thường phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ, dẫn đến việc giám sát địa bàn đôi khi chưa được thường xuyên và sâu sát. Hầu hết các mẫu vật tư

sau khi lấy đều phải gửi đi các trung tâm kiểm nghiệm ngoài tỉnh, gây tốn kém thời gian và chi phí, đồng thời làm chậm tiến độ xử lý vi phạm khi hàng hóa đã được tiêu thụ hết trên thị trường. Bên cạnh đó sự phát triển của thương mại điện tử và các mạng xã hội đã mở ra một kênh phân phối VTNN mới nhưng cũng đầy rủi ro. Việc kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, hạt giống qua mạng thường khó kiểm soát về nguồn gốc và chất lượng. Các đối tượng vi phạm thường sử dụng các địa chỉ kho hàng ảo, không có biên hiệu, gây khó khăn cho việc tiếp cận và kiểm tra của các cơ quan chức năng. Trong khi đó, các quy định tại Quyết định 58/2015/QĐ-UBND chủ yếu tập trung vào các cơ sở kinh doanh có địa điểm cố định, chưa có các chế tài đủ mạnh để quản lý hiệu quả loại hình kinh doanh này.

Sự bùng nổ của kênh phân phối "phi chính thống" đang làm vô hiệu hóa các hàng rào quản lý truyền thống. Tình trạng tiếp thị trực tiếp tại hộ dân, kinh doanh qua các kênh phi truyền thống, các hội nhóm trên mạng xã hội như Zalo, Facebook đang ngày càng tinh vi. Các sản phẩm này thường không đi qua các kênh chính thống, không có hóa đơn chứng từ, khiến cơ quan chức năng không thể truy cứu trách nhiệm khi xảy ra thiệt hại về mùa màng hoặc dịch bệnh trên diện rộng. Đây là một "vùng trống" pháp lý mà các cơ quan quản lý nhà nước chưa thể bao phủ hết.

Sự đứt gãy trong chuỗi truy xuất nguồn gốc cũng là một vấn đề hết sức quan tâm. Hiện nay, mặc dù hàng hóa lưu thông tại các đại lý có thể có hóa đơn, nhưng việc truy ngược nguồn gốc nguyên liệu tại các nhà máy sản xuất ngoài tỉnh vẫn là một thách thức lớn. Hệ thống hồ sơ quản lý chất lượng, phiếu kiểm nghiệm chất lượng lô hàng lưu thông, mã số lô hàng xuất, tem truy xuất QR code hiện nay mới chỉ mang tính hình thức, dùng để quảng cáo nhiều hơn là để minh bạch dữ liệu thực tế về lô hàng. Người tiêu dùng và thậm chí cả cán bộ quản lý cũng khó có thể biết chính xác thành phần và chất lượng thực sự của sản phẩm nếu không thực hiện các xét nghiệm hóa lý phức tạp.

Thói quen sản xuất lạc hậu của một bộ phận người dân cũng đóng góp vào sự tồn tại của hàng kém chất lượng. Tâm lý ưa chuộng giống giá rẻ, sản xuất cây giống theo kinh nghiệm "tự cung tự cấp" mà không quan tâm đến nguồn gốc hợp pháp đã tạo ra những kẽ hở cho các đối tượng buôn bán hàng giả lợi dụng. Khi năng suất thấp hoặc dịch bệnh xảy ra, người dân thường cam chịu hoặc không biết kêu cứu ở đâu vì mua hàng trôi nổi, không có chứng từ, nguồn gốc xuất xứ.

Trong quá trình sản xuất nông nghiệp, một bộ phận người dân chưa tuân thủ nguyên tắc "4 đúng" khi sử dụng thuốc BVTV; vẫn còn tình trạng thuốc BVTV dư thừa thải ra môi trường sau khi sử dụng (nước súc rửa bình sau phun được thải xuống ruộng nước và đổ ngay trên đồng ruộng); vỏ bao gói, chai lọ thuốc BVTV sau sử dụng vứt bừa bãi không đúng quy định (vứt ngay tại đầu bờ ruộng, ruộng lấy nước, đốt,...), đặc biệt tình trạng sử dụng thuốc BVTV không chọn lọc (cỏ cháy) trên bờ ruộng, trên diện tích đất sản xuất tại nhiều địa phương (Xã Lộ Hà, Hương Phó, Hương Khê, Hà Linh, Phúc Trạch, Cổ Đạm, Tiên Điền, Trường Lưu, Nghi Xuân, Nam Hồng Lĩnh, Gia Hanh, Sơn Tiên, Tứ Mỹ, Hương Sơn, Sơn Giang,...) ảnh hưởng rất lớn đến môi trường đất, nước, sức khỏe cộng đồng.

2. Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

- Nguyên nhân kết quả đạt được

Sự quan tâm của các Bộ, ngành Trung ương; sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sâu sát của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh; sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị đã tạo tiền đề, động lực, niềm tin cho các cá nhân, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh giống, VTNN có hiệu quả, gắn với xây dựng thôn mới. Bên cạnh đó, các cơ chế, chính sách thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới được tỉnh ban hành đồng bộ, sát đúng, bố trí đủ kinh phí, tạo động lực lớn khuyến khích phát triển sản xuất.

Hoạt động kinh doanh ngày càng phát triển mạnh, người dân được tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển mạng lưới kinh doanh nói chung và kinh doanh giống, VTNN nói riêng.

Việc tham gia vào các hiệp định như WTO, FTA, AFTA, TPP... đã và sẽ mở ra nhiều cơ hội thuận lợi cho việc tiếp cận, mở rộng thị trường và hội nhập quốc tế, tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, cũng như thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước phát triển, đặc biệt là trong việc nghiên cứu, chuyển giao, áp dụng các công nghệ tiên tiến để tạo ra các sản phẩm có năng suất chất lượng cao.

- Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Từ phía cơ quan quản lý, phương thức quản lý hiện nay vẫn mang nặng tính "phản ứng" nghĩa là chỉ khi có sự cố xảy ra hoặc đến kỳ kiểm tra mới thực hiện kiểm tra thay vì quản lý dựa trên sự "dự báo". Lực lượng cán bộ chuyên trách tại xã, phường còn rất mỏng, thường xuyên phải kiêm nhiệm nhiều mảng công việc khác nhau. Đặc biệt, việc thiếu hụt các trang thiết bị, phương tiện, vật tư phục vụ công tác kiểm tra tại hiện trường dẫn đến công việc chậm trễ, thiếu chủ động; quy trình lấy mẫu và chờ kết quả giám định kéo dài (thường mất từ 15-25 ngày), khiến việc ngăn chặn hàng giả, hàng kém chất lượng không còn tính kịp thời.

Về phía các cơ sở kinh doanh, áp lực chạy theo lợi nhuận ngắn hạn đã khiến họ bỏ qua các chuẩn mực về đạo đức nghề nghiệp. Rất ít cơ sở kinh doanh VTNN tại Hà Tĩnh hiện nay chịu đầu tư nhân lực có chuyên môn sâu như bác sĩ thú y hay kỹ sư trồng trọt để tư vấn cho người dân. Thay vào đó, việc bán hàng diễn ra theo kiểu "người mua hỏi gì bán nấy" hoặc tư vấn những sản phẩm có mức chiết khấu cao cho đại lý thay vì những sản phẩm thực sự phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng và tình hình bệnh dịch của cây trồng vật nuôi.

Ý thức, trách nhiệm người sản xuất nông nghiệp đối với bản thân và cộng đồng chưa cao, chưa thấy được trách nhiệm của mình đối với chất lượng sản phẩm do mình làm ra; việc sử dụng các loại VTNN chủ yếu dựa vào thói quen, không sử dụng theo khuyến cáo, nhiều người khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật còn pha trộn nhiều loại với nhau để nâng cao hiệu quả, giảm số lần phun.

- Bài học kinh nghiệm

Công tác quản lý chất lượng giống, VTNN là nhiệm vụ phức tạp, liên quan trực tiếp đến quyền lợi người sản xuất và sự phát triển bền vững của ngành nông nghiệp. Do đó, cần được xác định là nhiệm vụ xuyên suốt, không theo mùa vụ hoặc theo đợt cao điểm thường xuyên cần có sự chỉ đạo quyết liệt, thống nhất từ cấp ủy, chính quyền và sự phối hợp của các lực lượng chức năng, các ngành và sự vào cuộc chủ động, quyết liệt của chính quyền địa phương trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm và công khai các hành vi vi phạm trong hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá VTNN.

Các cơ quan, đơn vị tham gia vào hoạt động quản lý chất lượng giống, VTNN phải xác định rõ chức năng, nhiệm vụ về hoạt động này của lĩnh vực mình được phân công quản lý để chủ trì, phối hợp với các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện đầy đủ, có hiệu quả nhiệm vụ được phân công.

III. Mục tiêu, định hướng phát triển giai đoạn 2026-2030

Giai đoạn 2026-2030, Hà Tĩnh xác định mục tiêu chuyển đổi từ mô hình "Quản lý hành chính" đơn thuần sang mô hình "Quản trị hệ sinh thái số". Đây là một sự thay đổi về chất, lấy công nghệ làm nòng cốt để tạo ra sự minh bạch và bền vững cho nền nông nghiệp tỉnh nhà.

1. Mục tiêu

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước, tăng cường kiểm soát chất lượng, truy xuất nguồn gốc giống cây trồng, vật nuôi và hàng hóa VTNN, bảo vệ quyền lợi người sản xuất nông nghiệp và người tiêu dùng;
- Xây dựng hệ thống sản xuất, cung ứng giống, VTNN có kiểm soát chất lượng, góp phần giảm chi phí đầu vào, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm;
- Nâng cao hiểu biết người sản xuất về kỹ thuật sử dụng giống và các loại VTNN, an toàn, tiết kiệm và hiệu quả; các tổ chức, cá nhân duy trì đầy đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh VTNN theo quy định.

2. Chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

- 100% cơ sở kinh doanh VTNN trên toàn tỉnh được cấp định danh số duy nhất và cập nhật thời gian thực trên bản đồ giám sát thông minh của tỉnh.
- Thiết lập chuỗi cung ứng VTNN liên kết khép kín cho ít nhất 80% các sản phẩm chủ lực bao gồm lúa, cam, lợn và tôm. Các chuỗi này phải đảm bảo từ khâu giống, vật tư đầu vào đến tiêu thụ đầu ra.

3. Định hướng phát triển

- Khuyến khích, tạo thuận lợi cho các thành phần kinh tế hoạt động về sản xuất, kinh doanh giống, VTNN đảm bảo tuân thủ pháp luật, sản xuất, cung ứng đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng phục vụ nhu cầu sản xuất, bảo đảm sức khỏe con người, bảo vệ môi trường, sinh thái;
- Trên cơ sở các quy định hiện hành, lựa chọn các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh cung ứng có năng lực, có uy tín, đủ tiêu chuẩn, giá cả cạnh tranh, chất lượng đảm bảo để làm trụ cột trong sản xuất, cung ứng giống, VTNN cho toàn tỉnh;

- Có chính sách, giải pháp để bảo trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh cung ứng chấp hành tốt các quy định của pháp luật, đồng thời xử lý nghiêm, loại bỏ các đối tượng làm trái quy định của pháp luật.

4. Những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm giai đoạn 2026-2030

4.1. Nhóm giải pháp về hoàn thiện cơ chế, chính sách

Rà soát, tham mưu đề xuất sửa đổi và bổ sung Quyết định 58/2015/QĐ-UBND để phù hợp với Luật Trồng trọt, Luật Chăn nuôi và các quy định mới về thương mại điện tử. Sở Nông nghiệp Môi trường phối hợp Sở Công Thương các đơn vị liên quan tham mưu trình UBND tỉnh ban hành các quy định đặc thù về quản lý VTNN kinh doanh trên môi trường mạng, quy định rõ trách nhiệm của các đối tượng liên quan và người bán hàng.

Tăng cường nguồn ngân sách cho công tác quản lý chất lượng, đặc biệt là kinh phí cho việc lấy mẫu và kiểm nghiệm. Cần có cơ chế khuyến khích xã hội hóa các phòng kiểm nghiệm, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực giám định chất lượng VTNN.

Kêu gọi, khuyến khích doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư xây dựng các trung tâm nghiên cứu, trung tâm logistics, chuyên giao khoa học công nghệ về giống, VTNN trên địa bàn để giảm thiểu chi phí đầu vào sản xuất, đáp ứng yêu cầu về chất lượng và sản lượng theo nhu cầu thực tế của tỉnh.

4.2. Nhóm giải pháp về ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số

Xây dựng "Bản đồ số về quản lý VTNN tỉnh Hà Tĩnh". Hệ thống này sẽ tích hợp dữ liệu của toàn bộ các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư trên địa bàn, bao gồm cả vị trí địa lý, hồ sơ pháp lý và lịch sử chấp hành pháp luật. Người dân có thể truy cập qua ứng dụng trên điện thoại di động để tìm kiếm các điểm bán hàng uy tín gần nhất.

Triển khai rộng rãi hệ thống truy xuất nguồn gốc bằng mã QR cho tất cả các loại giống và VTNN lưu thông trên địa bàn tỉnh. Yêu cầu các nhà sản xuất, phân phối lớn phải có mã định danh sản phẩm để cơ quan chức năng dễ dàng theo dõi dòng chảy hàng hóa và xử lý nhanh các sự cố về chất lượng.

Giai đoạn triển khai	Hoạt động chuyển đổi số trọng tâm	Kết quả kỳ vọng
2026 - 2028	Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung và app quản lý	100% dữ liệu cơ sở kinh doanh được số hóa
2028 - 2029	Áp dụng blockchain trong truy xuất nguồn gốc giống	Minh bạch hóa 90% lượng giống lúa trên thị trường
2030	Hoàn thiện hệ thống giám sát chất lượng thời gian thực	Giảm 50% thời gian thanh tra, kiểm tra trực tiếp

4.3. Nhóm giải pháp về đổi mới công tác khuyến nông và tuyên truyền

Gắn kết chặt chẽ hoạt động quản lý chất lượng với Chương trình Khuyến nông giai đoạn 2026-2030. Cán bộ khuyến nông cấp cơ sở cần được đào tạo để

trở thành những chuyên gia tư vấn về chất lượng vật tư cho nông dân. Thay vì chỉ trình diễn kỹ thuật, các mô hình khuyến nông mới cần hướng dẫn nông dân cách đọc nhãn mác, cách kiểm tra mã QR và cách sử dụng vật tư tiết kiệm, hiệu quả theo tư duy kinh tế nông nghiệp.

Đa dạng hóa các hình thức truyền thông, sử dụng các đoạn video ngắn, infographic trên các nền tảng mạng xã hội như Facebook, Zalo, TikTok để phổ biến kiến thức pháp luật và cảnh báo về các loại hàng giả, hàng nhái. Xây dựng các chuyên mục "Nông nghiệp sạch - Vật tư chuẩn" trên đài phát thanh và truyền hình tỉnh để tôn vinh các đơn vị làm ăn chân chính.

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về sản xuất kinh doanh giống, VTNN nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết, trách nhiệm cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh, sử dụng thuốc BVTV; tuyên truyền, hướng dẫn áp dụng kỹ thuật canh tác IPM, HIPM ... để người dân thay đổi về tập quán canh tác, thói quen ghi chép theo dõi đầu vào, đầu ra phục vụ cho việc truy xuất nguồn gốc, ...; tập huấn, hướng dẫn người dân sử dụng thuốc BVTV theo nguyên tắc 4 đúng "đúng thuốc, đúng lúc, đúng nồng độ liều lượng, đúng cách; khuyến khích sử dụng các sản phẩm phân bón, thuốc BVTV hữu cơ, sinh học, hạn chế tối đa việc lạm dụng phân bón hóa học và thuốc BVTV hóa học trong canh tác và phòng trừ sinh vật gây hại.

4.4. Nhóm giải pháp về tăng cường phối hợp và xử lý vi phạm

Kiện toàn Ban Chỉ đạo 389 các cấp, nâng cao vai trò của lực lượng Công an trong việc trinh sát, phát hiện các đường dây sản xuất, vận chuyển VTNN giả quy mô lớn. Cần thiết lập đường dây nóng và các hòm thư điện tử để tiếp nhận phản ánh của người dân về các dấu hiệu vi phạm chất lượng VTNN một cách bảo mật và kịp thời.

Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm với khung hình phạt cao nhất để tạo sức răn đe. Đối với các trường hợp tái phạm hoặc gây thiệt hại lớn cho sản xuất, cần xem xét truy tố trách nhiệm hình sự. Đồng thời, cần có cơ chế bồi thường thiệt hại cho nông dân khi mua phải hàng giả, hàng kém chất lượng có sự xác nhận của cơ quan chuyên môn.

4.5. Nhóm giải pháp về nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ

Thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng thanh tra, lấy mẫu và nhận diện các loại VTNN mới cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp. Chú trọng đào tạo kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và phân tích dữ liệu để đáp ứng yêu cầu quản lý trong kỷ nguyên số. Có chính sách đãi ngộ phù hợp để thu hút những cán bộ có trình độ chuyên môn cao về làm việc tại các chi cục chuyên ngành và các địa bàn khó khăn.

Công tác quản lý chất lượng VTNN không chỉ là nhiệm vụ của riêng ngành nông nghiệp mà là trách nhiệm chung của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Với sự chỉ đạo sát sao của UBND tỉnh, sự phối hợp nhịp nhàng của các lực lượng chức năng và sự đồng hành của người dân, Hà Tĩnh sẽ xây dựng được một thị trường VTNN hiện đại, minh bạch, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và sự kỳ vọng của người dân.

4.6. Nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2026

- Tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, chế biến và phát triển thị trường năm 2026;

- Tăng cường quản lý nhà nước về giống, VTNN phục vụ sản xuất, ATTP nông lâm thủy sản theo phân công, phân cấp của UBND tỉnh và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Tăng cường công tác kiểm tra các cơ sở phát hiện và xử lý triệt để các vụ vi phạm về kinh doanh, sử dụng, lạm dụng VTNN. Trong đó tập trung kiểm tra, giám sát tại các tổ chức, cá nhân kinh doanh, sử dụng thuốc BVTV, xử lý nghiêm các trường hợp không chấp hành các quy định của Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành Luật, các văn bản chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh và cơ quan chuyên môn.

- Đẩy mạnh công tác phối hợp trọng hoạt động kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh giống, VTNN; cập nhật, công khai, cung cấp thông tin địa chỉ về các cơ sở SXKD sản phẩm an toàn và danh sách cơ sở không đủ điều kiện, vi phạm các quy định.

IV. Dự toán nguồn kinh phí đầu tư giai đoạn 2026-2030

Tổng kinh phí thực hiện đến năm 2030 dự kiến 45 tỷ đồng từ nguồn ngân sách địa phương (tỉnh, xã) và các nguồn vốn hợp pháp khác, cụ thể:

- Tuyên truyền, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ và nhận thức cho cơ sở sản xuất, kinh doanh giống, VTNN với kinh phí dự kiến khoảng 25 tỷ đồng;

- Công tác kiểm tra, kiểm soát chất lượng giống, VTNN với kinh phí dự kiến khoảng 20 tỷ đồng.

V. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Chỉ đạo, hướng dẫn sản xuất các loại cây trồng, vật nuôi đảm bảo quy trình kỹ thuật, giám sát chặt chẽ diễn biến tình hình dịch hại trên cây trồng, vật nuôi; các chương trình/kế hoạch phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn;

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý cấp tỉnh, cấp xã; tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật cho các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh giống, VTNN

- Chủ trì, phối hợp Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh tổ chức thực hiện các nội dung Đề án “Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng giai đoạn 2026 - 2030”;

- Phối hợp với Báo và Phát thanh-Truyền hình Hà Tĩnh xây dựng các phóng sự, chương trình tuyên truyền về đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm lĩnh vực nông nghiệp;

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị, địa phương tổ chức kiểm soát chặt chẽ chất lượng hàng hoá VTNN. Tổ chức kiểm tra trong đó ưu tiên kiểm tra đột xuất các cơ sở kinh doanh giống, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, thuốc thú y, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thuỷ sản....; xử lý hoặc kiến nghị các cơ quan chức năng xử lý đối với các cá nhân, tổ chức vi phạm theo quy định của pháp luật. Cung cấp thông tin các vụ việc phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật về chất lượng VTNN cho các cơ quan báo chí thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để các tổ chức, cơ quan, Nhân dân biết và giám sát thực hiện; định kỳ tổng hợp cung cấp danh sách các cơ sở đủ điều kiện kinh doanh hàng hoá VTNN xuống các địa phương để tuyên truyền, phổ biến đến người dân;

- Thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình cung ứng giống, giá cả các loại giống lúa theo từng vụ sản xuất của các doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn, tổng hợp kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan chức năng kiểm tra, thanh tra khi có yếu tố biến động bất thường hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, áp dụng chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu về sản xuất, kinh doanh giống, VTNN có thể được liên thông trực tiếp với cơ sở dữ liệu của địa phương và các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành liên quan tại Trung ương.

2. Sở Công Thương: Chủ động, phối hợp với các ngành, địa phương, các lực lượng chức năng, đơn vị liên quan tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về hoạt động vận chuyển, lưu thông, kinh doanh các mặt hàng VTNN kém chất lượng, hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng nhập lậu, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ lưu thông trên thị trường.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì tiến hành rà soát Quyết định 58/2015/QĐ-UBND để tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý chất lượng VTNN phù hợp với Luật Trồng trọt, Luật Chăn nuôi và các quy định mới về thương mại điện tử;

- Hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ cho các tổ chức, cá nhân sản xuất giống, VTNN trên địa bàn ứng dụng hiệu quả các đề tài nghiên cứu khoa học, tiến bộ khoa học kỹ thuật; Phối hợp hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở sản xuất, kinh doanh VTNN xây dựng, áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, truy xuất nguồn gốc và đăng ký quyền sở hữu trí tuệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, thương hiệu, khả năng cạnh tranh với sản phẩm, hàng hoá trong nước và quốc tế;

- Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác quản lý nhà nước; kiểm tra và xử lý vi phạm về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ, nhãn hàng hóa, mã số mã vạch trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, góp phần bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người tiêu dùng;

- Phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn công tác chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, xây dựng cơ sở dữ liệu tích hợp kết nối vào Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, dữ liệu quốc gia, chuyên ngành liên quan tại Trung ương;

- Phối hợp hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sản xuất các loại VTNN tham gia vào Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá tỉnh Hà Tĩnh (<https://checkvn.hatinh.gov.vn>).

4. Công an tỉnh: Tăng cường phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc thanh tra, kiểm tra đột xuất việc chấp hành pháp luật về sản xuất, kinh doanh giống, VTNN trên địa bàn. Kịp thời trao đổi thông tin, tình hình về hành vi vi phạm để các lực lượng chức năng triển khai các biện pháp xử lý theo chức năng, nhiệm vụ.

5. Chi cục Hải quan khu vực XI: Chủ trì, phối hợp với các lực lượng chức năng trong công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và vận chuyển hàng hoá trái phép tại khu vực cửa khẩu, cảng biển và địa bàn kiểm soát của hải quan nhằm kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép VTNN qua biên giới; chỉ đạo các đơn vị tăng cường kiểm tra, kiểm soát đối với các mặt hàng nhập khẩu, trong đó tập trung vào các mặt hàng là VTNN và thực phẩm nông lâm thủy sản.

6. Sở Tài chính: Trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan, căn cứ các quy định pháp luật và khả năng cân đối ngân sách để tham mưu phương án kinh phí thực hiện heo phân cấp ngân sách hiện hành.

8. Đề nghị Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh: chỉ đạo các cấp hội triển khai phối hợp tuyên truyền cho hội viên nông dân, phụ nữ; hướng dẫn, giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh nông sản an toàn, trọng điểm là các hộ sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ; nhân rộng các mô “*Sản xuất - tiêu dùng sạch, an toàn*”, “*Nói không với thực phẩm bẩn*”; Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện các nội dung liên quan của Đề án “Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn vì sức khoẻ cộng đồng giai đoạn 2026-2030” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 110/QĐ-TTg, ngày 16/01/2026, Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an”;

9. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Tổ chức thực hiện đầy đủ chức năng quản lý nhà nước về chất lượng hàng hoá VTNN theo phân công, phân cấp của UBND tỉnh và hướng dẫn của sở Nông nghiệp và Môi trường;

- Thường xuyên rà soát, thống kê, cập nhật danh sách các cơ sở sản xuất kinh doanh VTNN; công khai danh sách các cơ sở trên địa bàn tại các địa điểm công cộng, trên hệ thống loa truyền thanh, mạng nội bộ để người dân biết;

- Chủ động kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các cơ sở kinh doanh hàng hoá VTNN trên địa bàn để kiểm soát tốt nguồn nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất: theo dõi, kiểm soát chặt chẽ danh mục sản phẩm, nguồn gốc xuất xứ, bao bì nhãn mác, hồ sơ chất lượng các loại hàng hoá, điều kiện bảo quản sản phẩm...; kịp thời nắm bắt thông tin, thông báo và phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các lực lượng chức năng để lấy mẫu phân tích chất lượng trong trường hợp cần thiết. Đặc biệt đối với các loại phân bón, giống cây trồng... do các hợp tác xã, các hiệp hội đưa về cung ứng trực tiếp cho người dân (không qua kênh cung ứng chính thông trên địa bàn) thì cơ quan chuyên môn cấp xã chủ động kiểm tra chặt chẽ nguồn gốc xuất xứ, bao bì nhãn mác, hồ sơ quản lý chất lượng (đối

với các loại giống cây trồng nông nghiệp phải tiến hành lấy mẫu thử (tỷ lệ này
mầm) trước khi đưa vào sản xuất./.

**CHI CỤC TRƯỞNG
CHI CỤC PTNT VÀ QLCL**

Trần Mạnh Cường